

Đề 1

TRƯỜNG THCS XUÂN THƯỢNG
TỔ KHXH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7
Thời gian làm bài: 90 phút

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Chương/		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	---------	--	-----------------	----------------------------------

	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. <p>Vận dụng:</p>	3TN	5TN	2TL	

			<p>- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.</p> <p>- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--

2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật em yêu thích.	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức</p> <p>Vận dụng: Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.</p> <p>Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.</p>				1TL*
Tổng				3 TN 1*TL	5TN 1*TL	2 TL 1*TL	1*TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60%		40%	

* Ghi chú: Phân viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

III. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TRƯỜNG: THCS

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ
II

TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian
giao đề

Đọc văn bản sau:

CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì... Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Con lừa và bác nông dân. TruyenDanGian.Com.)

Câu 1. Truyện Con lừa và bác nông dân thuộc thể loại nào?

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyện thuyết. D. Truyện cổ tích.

Câu 2. Trong đoạn 1 con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?

- A. Con lừa sẩy chân rơi xuống một cái giếng.
- B. Đang làm việc quanh cái giếng.
- C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.
- D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

Câu 3. Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?

- A. Ra sức kéo con lừa lên.
- B. Động viên và trò chuyện với con lừa.
- C. Ông nhờ những người hàng xóm xúc đất đổ vào giếng.
- D. Ông nhờ hàng xóm cùng giúp sức kéo con lừa lên.

Câu 4. Dấu ba chấm trong câu sau có tác dụng gì ?

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì...

- A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

- B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.
- C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..
- D. Thể hiện sự bất ngờ.

Câu 5. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?

- A. Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.
- B. Vì ông không thích chú lừa .
- C. Ông nghĩ con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.
- D. Ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

Câu 6. Theo em, những “xềng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?

- A. Những nặng nhọc, mệt mỏi.
- B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.
- C. Là hình ảnh lao động .
- D. Là sự chôn vùi, áp bức.

Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?

- A. Ông chủ cứu chú lừa.
- B. Chú biết giữ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.
- C. Chú lừa giẫm lên chỗ đất cát có sẵn trong giếng để thoát ra.
- D. Chú liên tục đứng ngày càng cao hơn trên chỗ cát ông chủ đổ xuống để thoát ra.

Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của chú lừa?

- A. Nhút nhát, sợ chết.
- B. Bình tĩnh, khôn ngoan, thông minh.
- C. Yếu đuối.
- D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

Câu 9. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

Câu 10 . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học vừa qua, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học . Những nhân vật ấy chắc hẳn đã mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng. Từ ấn tượng về các nhân vật ấy hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật em yêu thích.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5

	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được : - Người nông dân: Lúc đầu định giúp lừa ra khỏi giếng, nhưng sau nghĩ lừa già và cái giếng cũng cần được lấp. Vì thế, nhanh chóng buông xuôi, bỏ cuộc. - Con lừa: Lúc đầu kêu la thảm thiết muốn thoát khỏi giếng nhưng rồi đã khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp nó thoát ra khỏi cái giếng.	1,0
	10	Bài học tâm đắc nhất rút ra: VD: Trong bất cứ hoàn cảnh (khó khăn, thử thách nào trong cuộc sống), sự hi vọng, dũng cảm, nỗ lực sẽ đem đến cho chúng ta sức mạnh vì: - Hi vọng giúp chúng ta có tinh thần lạc quan, xóa đi mệt mỏi. - Giúp chúng ta tìm ra cách giải quyết, là động lực giúp chúng ta vượt qua những khó khăn, thử thách... Hoặc: Sự ứng biến trong mọi hoàn cảnh...	1,0
II		VIẾT	4,0

	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề</i> Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích.	0.25
	<i>c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích</i> Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích. - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. * Thân bài: - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm. + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào? + Ngoại hình + Hành động và việc làm của nhân vật. + Ngôn ngữ của nhân vật. + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác. => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,... về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)	3.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm. * Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

Đề 2

PHÒNG GD - ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG THCS

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ II
Môn: Ngữ văn 7
Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)
(Đề thi gồm: 02 trang)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7
(Bộ sách “Kết nối tri thức”)

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L		
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn										
			3	0	5	0	0	2	0			60

2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T	Chương /Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu của văn bản.	3TN	5TN	2TL	

1	Độc hiểu	Truyện ngụ ngôn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được thành phần trạng ngữ trong câu. (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. 			
---	-----------------	--------------------	--	--	--	--

2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...)</p> <p>Vận dụng: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.</p> <p>Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.</p>				1TL*
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

PHÒNG GD - ĐT XUÂN TRƯỜNG
TRƯỜNG THCS

ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KỲ II

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

(Đề thi gồm: 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KIẾN VÀ CHÂU CHÁU

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoải thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mĩa mai. Kiến dường

C. Những người biết lo xa .

D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

Câu 7: Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Được mùa ngô và lúa mì.

Câu 8: Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?

A. Không còn sức để làm.

B. Không có sức khỏe.

C. Yếu đuối.

D. Yếu ớt.

Câu 9: Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

Câu 10: Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mãi chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên nên hay không nên?

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5

	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	- HS quan điểm của bản thân, có thể nêu : + Em sẽ nghe theo lời kiến. + Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.....	1,0
	10	- Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện. Hs có thể nêu 1 trong các bài học sau: + Phải luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng. + Hãy biết nhìn xa trông rộng.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử khiến nhiều bạn hs vì mãi chơi mà sao nhãng học tập.	0,25
		<i>c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.</i> HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		* Nêu được vấn đề cần nghị luận: Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn đã khiến nhiều bạn hs vì mãi chơi mà sao nhãng học tập.	0,25
		* Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề: Hs có thể nêu ý kiến tán thành, không tán thành hoặc vừa tán thành vừa không tán thành. - Sử dụng lí lẽ,	2.0

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu bằng chứng. - Kết hợp lí lẽ và bằng chứng. <p><i>Ví dụ:</i> Khi tán thành phải chỉ ra được những mặt lợi của trò chơi điện tử và lí giải nó chỉ là phương tiện giải trí, không ảnh hưởng đến việc học tập...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mặt lợi của trò chơi điện tử.:</i> + Là phương tiện giải trí thú vị giúp thư giãn, giảm căng thẳng, mệt mỏi sau học tập và công việc. + Phương tiện thuận lợi, dễ dàng để giao lưu, trò chuyện, kết bạn với nhiều người xung quanh. - <i>Mặt hại của trò chơi điện tử.</i> + Tiếp xúc với môi trường mới lạ của thế giới ảo khiến giới trẻ (học sinh, sinh viên,..) dễ “nghiện” trò chơi điện tử. + Có thể khiến kết quả học tập của học sinh ngày càng giảm sút (học sinh quá say mê với trò chơi dẫn đến trốn học, bỏ tiết, lơ đãng trong giờ học,...) + Thường xuyên thức khuya, ngồi hàng giờ trước máy tính chơi game khiến sức khỏe bị ảnh hưởng nghiêm trọng (cận thị, đau đầu, bệnh huyết áp, suy nhược cơ thể,...) + Học sinh dễ bị lôi kéo, học thói xấu, sa vào tệ nạn xã hội (môi trường trò chơi đôi khi tạo ra nhiều mối quan hệ phức tạp, học sinh dễ tiếp xúc với các yếu tố kém lành mạnh, ý thức tự chủ ở giới trẻ còn kém,...) + Các bạn trẻ dễ mất kiểm soát về tiền bạc, thời gian (nhu cầu cạnh tranh, khẳng định bản thân trong trò chơi yêu cầu các em bỏ nhiều tiền vào game để nâng cấp trang bị, mua sắm, dành nhiều thời gian cày game để đạt thứ hạng cao,...) <p>* Khẳng định lại ý kiến của bản thân</p>	0,25
--	--	------

Đề 3

TRƯỜNG THCS ĐẶNG XUÂN KHU
TỔ KHXH

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7
Thời gian làm bài: 90 phút

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.</i>	0,25

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1		Thơ	3	0	5	0	0	2	0		60

	Độc hiểu										
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT			Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
-----------	--	--	------------------------	---

	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức		Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách 	3 TN	5TN	2 TL	

			nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu đề, vấn đề nghị luận.</p> <p>Thông hiểu: Kỹ năng viết bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống.</p> <p>Vận dụng: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân trước sự việc cần bàn luận.</p> <p>Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.</p>	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

TRƯỜNG: THCS

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ II

TỔ: KHOA HỌC VĂN- SỬ

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian
giao đề*

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

ÁNH TRĂNG

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trăng tình nghĩa*

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

(Ánh trăng, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Tự do

C. Năm chữ

D. Lục bát

Câu 2. Khi gặp lại vàng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

A. Rưng rưng

B. Lo âu

C. Ngại ngùng

D. Vô cảm

Câu 3. Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

A. Hồi nhỏ

B. Hồi về thành phố

- C. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố.
- D. Hồi chiến tranh.

Câu 4. Từ tri kỉ trong câu “*vàng trắng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?

- A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình
- B. Biết được giá trị của người nào đó
- C. Người có hiểu biết rộng
- D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

Câu 5. Từ “*ngờ*” trong câu “*ngờ không bao giờ quên*” đồng nghĩa với từ nào?

- A. Nói
- B. Bảo
- C. Thấy
- D. Nghĩ

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể - như là sông là rừng*”?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Nói quá
- D. Nói giảm, nói tránh

Câu 7. Hình ảnh “*trăng cứ tròn vành vạnh*” tượng trưng cho điều gì?

- A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.
- B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.
- C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.
- D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

Câu 8. Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*”?

- A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.
- B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.
- C. Vì vàng trắng đã gọi lại kỉ niệm xưa.
- D. Vì bất ngờ “*ta*” gặp lại vàng trắng xưa.

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

Câu 10. Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Tình bạn có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời mỗi con người. Hãy viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN NGỮ VĂN LỚP 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Bài thơ gọi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo.	1
	10	Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”	1
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: suy nghĩ của em về tình bạn</i>	0,25
		<i>c. Nêu ý kiến, quan điểm của bản thân.</i> HS trình bày ý kiến của mình về tình bạn theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giải thích: Thế nào là tình bạn? - Biểu hiện của tình bạn: Quan tâm, giúp đỡ, an ủi, động viên.. - Giá trị của tình bạn: gắn kết người với người trong tình thân ái, giúp ta hoàn thiện bản thân, làm cho cuộc sống thú vị và ý nghĩa hơn.. - Bài học về việc xây dựng và bảo vệ tình bạn.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục</i>	0,5

Đề 4

**TRƯỜNG THCS XUÂN THÀNH
TỔ KHXH**

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

Môn: Ngữ văn lớp 7

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được ngôi kể trong truyện. - Nhận biết được tình huống truyện. - Xác định được thành phần trạng ngữ trong câu. Thông hiểu:	3 TN	5 TN	2 TL	

			<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vai trò của dấu 3 chấm. - Hiểu được ý nghĩa hành động của nhân vật. - Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách của nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh bày tỏ được quan điểm của mình thông qua câu chuyện. - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. 				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Nhận biết: Xác định đúng kiểu bài, đối tượng nghị luận.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận. + Xác định đúng yêu cầu của đề bài: Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo được hệ thống luận điểm rõ ràng, lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề một cách thuyết phục. + Lập luận hợp lí, hiệu quả + Vận dụng các thao tác nghị luận hợp lí. + Vận dụng các phương thức biểu đạt <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sáng tạo, linh hoạt trong lập luận + Văn viết có giọng điệu riêng. 	1*	1*	1*	1TL*

		+ Bố cục mạch lạc, hoàn chỉnh.				
Tổng			3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %			20	40	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7

I. Đọc hiểu (6.0 điểm)

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi

CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì... Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xéng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sùng sốt. Mỗi khi bị một xéng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Con lừa và bác nông dân. TruyenDanGian.Com.)

Câu 1. Câu chuyện Con lừa và bác nông dân được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ nhất số nhiều.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ ba số nhiều.

Câu 2. Trong câu chuyện, con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?

- A. Mỗi khi bị một xéng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên.
- B. Đang làm việc quanh cái giếng.
- C. Con lừa bị ông chủ và hàng xóm xúc đất đổ vào người.
- D. Con lừa xuất hiện trên miệng giếng.

Câu 3. Cụm từ: “Một ngày nọ” trong câu: “Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng.”, giữ vai trò làm thành phần gì của câu ?

- A. Chủ ngữ.
- B. Vị ngữ.
- C. Trạng ngữ.

D. Bỏ ngữ.

Câu 4. Dấu ba chấm trong đoạn văn sau có tác dụng gì?

“Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì...”

- A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết của người kể chuyện.
- B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dỏ, ngắt quãng của người chủ trang trại.
- C. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.
- D. Thể hiện sự bất ngờ của các nhân vật trong truyện.

Câu 5. Vì sao bác nông dân quyết định không cứu chú lừa nữa ?

- A. Vì ông thấy phải mất nhiều công sức để kéo chú lừa lên.
- B. Vì ông không thích con lừa đó nữa.
- C. Vì ông nghĩ con lừa đã già, cái giếng cũng cần được lấp lại.
- D. Vì ông không muốn mọi người phải nghe tiếng kêu la của chú lừa.

Câu 6. Theo em, những “xéng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì ?

- A. Là những nặng nhọc, mệt mỏi.
- B. Những thử thách, khó khăn trong cuộc sống.
- C. Là hình ảnh lao động khó khăn, vất vả.
- D. Là sự chôn vùi, áp bức.

Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng ?

- A. Vì chú lừa được ông chủ cứu lên.
- B. Vì chú lừa biết giữ sạch đất cát trên người để không bị chôn vùi.
- C. Vì chú lừa được những người hàng xóm tốt bụng cứu.
- D. Vì chú lừa biết tự lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên.

Câu 8. Hành động chú lừa “lắc mình, bước chân lên trên” thể hiện tính cách gì của chú lừa?

- A. Nhút nhát, sợ chết.
- B. Bình tĩnh, thông minh.
- C. Yếu đuối, buông xuôi.
- D. Nóng vội, xúc nổi.

Câu 9: (1,0 điểm). Thông qua câu chuyện, chú lừa đã biết vượt lên hoàn cảnh của mình, là một người học sinh em sẽ làm gì nếu gặp những khó khăn, thử thách?

Câu 10 (1,0 điểm). Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất từ câu chuyện trên?

II. Viết (4,0 điểm).

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng bạo lực học đường trong giới trẻ hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	<p>- Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân để vượt qua khó khăn, thử thách. <i>HS có những cách diễn đạt khác nhau, song về cơ bản cần đảm bảo được các ý sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta cần phải có can đảm để đối mặt với tất cả các loại khó khăn mà mình gặp phải. - Cần cố gắng suy xét tìm ra vấn đề. - Cần có thái độ tích cực để đối mặt với những khó khăn mà mình gặp phải. - Có ý thức cố gắng vươn lên... <p><i>Cách cho điểm: HS trả lời được 4 ý cho 1,0 điểm; 3 ý cho 0,75 điểm; 2 ý cho 0,5 điểm; 1 ý cho 0,25 điểm.</i></p>	1,0
	10	<p>- Học sinh nêu được cụ thể 1 bài học tâm đắc nhất rút ra từ câu chuyện. - Lí giải được lí do nêu lên bài học ấy.</p> <p><i>Cách cho điểm: HS nêu 1 bài học cho 0,5 điểm. Nêu nhiều hơn 1 bài học cho 0,0 điểm</i> <i>HS lí giải thuyết phục phù hợp với bài học cho 0,5 điểm; lí giải sơ sài cho 0,25 điểm; Không lí giải cho 0,0 điểm;</i></p>	1,0
		Viết	4,0
		<i>a. Bước đầu biết viết bài văn nghị luận theo đúng cấu trúc.</i>	0,25

II	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.	0,25
	<i>c. Nghị luận về nạn bạo lực học đường.</i> HS nghị luận đảm bảo các nội dung sau: - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận, giải thích “bạo lực học đường”. - Thực trạng của nạn bạo lực học đường. - Nguyên nhân của bạo lực học đường. - Hậu quả của bạo lực học đường (với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội). - Giải pháp khắc phục nạn bạo lực học đường. - Bài học cho bản thân. <i>* Lưu ý: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo các nội dung trên. Giáo viên cần linh hoạt khi tiếp nhận sản phẩm của học sinh.</i>	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lí lẽ rõ ràng, dẫn chứng đa dạng, thuyết phục.	0,5

Đề 5**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0	60	
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		

Tỉ lệ chung	60%	40%	
-------------	-----	-----	--

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. 	3TN	5TN	2TL	

			<p>- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.</p> <p>- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.</p> <p>- Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.</p>			
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.</p> <p>Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...)</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.</p> <p>Vận dụng cao:</p>			1TL*

			Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.				
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

TRƯỜNG: THCS

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC Kì 2

TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao

đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

KIẾN VÀ CHÂU CHÁU

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng còng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chi khéo lo xa”. Châu chấu mĩa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mỗi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mãi chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè

(Truyện ngụ ngôn “Kiến và Châu chấu”- trang 3-NXB thông tin)

Câu 1. Truyện *Kiến và châu chấu* thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngụ ngôn. B. Truyện đồng thoại. C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

Câu 2. Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?

A. Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.
B. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.
C. Cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.

D. Giúp châu châu mẹ dọn dẹp nhà cửa.

Câu 3. Châu châu đã rủ kiến làm gì cùng mình?

A. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng.

B. Trò chuyện và đi chơi thoải thích.

C. Cùng nhau về nhà châu châu chơi.

D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông.

Câu 4. Trạng ngữ trong câu sau được dùng để làm gì ?

“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu châu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát riu ra riu rít.”

A. Chỉ nguyên nhân.

B. Chỉ thời gian.

C. Chỉ mục đích.

C. Chỉ phương tiện.

Câu 5. Vì sao kiến không đi chơi cùng châu châu?

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu châu.

C. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

Câu 6. Theo em, châu châu là những hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?

A. Những người vô lo, lười biếng.

B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa .

D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

Câu 7. Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?

A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.

B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.

D. Được mùa ngô và lúa mì.

Câu 8. Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?

A. Không còn sức để làm.

B. Không có sức khỏe.

C. Yếu đuối.

D. Yếu ớt.

Câu 9. Nếu là châu châu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

Câu 10 . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển khiến hấp dẫn, nhiều bạn vì mãi chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	- HS nêu được : - Em sẽ nghe theo lời kiến - Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông	1,0
	10	Bài học rút ra: - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng. - Biết nhìn xa trông rộng.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử	0,25
		<i>c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận</i> HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		- Nêu được vấn đề cần nghị luận - Giải thích được khái niệm trò chơi điện tử là gì? - Thực trạng của việc chơi trò chơi điện tử của lứa tuổi học sinh. - Chỉ ra những lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử. - Đề xuất giải pháp.	2,5